

Số: 181/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Công Tây, ngày 14 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa:

- *N đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trương Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của bà S giải quyết vấn đề tài sản chung: Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 06 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T ngày 06 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S.

- Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1981; Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 01/01/1984 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 29/9/1987 đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Ngày 20/5/2022 ông M, bà S, anh T, chị N và chị T đã thỏa thuận phân chia tài sản chung của ông M, bà S và yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau:

* Ông Nguyễn Văn M được quyền sử dụng diện tích đất 977,6m² (phần số 3), loại đất trồng lúa, là một phần của thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.664,6m² (đo đạc thực tế 1.623,0m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02942 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S, đất tại: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn T.

Tây giáp phần đất số 2.

Nam giáp đường đá.

Bắc giáp đất bà Đinh Thị Bích C, đất ông Đinh Văn C.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/4/2022)

* Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 992,4m² (phần số 1), loại đất ở (300 m²) và đất trồng cây lâu năm, là một phần của thửa đất số 233, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.386,1m² (đo đạc thực tế 1.349,7m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02940 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S, đất tại: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

Đông giáp phần số 2.

Tây giáp đất ông Châu Văn T.

Nam giáp đường đá.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/4/2022)

* Chị Nguyễn Thị Kim N được quyền sử dụng diện tích đất 488,3m² (phần số 2), loại đất chuyên trồng lúa nước, là một phần của thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.664,6m² (đo đạc thực tế 1.623,0m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02942 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S, đất tại: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

Đông giáp phần số 3.

Tây giáp phần số 1.

Nam giáp đường đá.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T, đường nước, đất bà Đinh Thị Bích C.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/4/2022)

* Chị Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng:

+ Diện tích đất 157,1m² (phần số 1), loại đất chuyên trồng lúa nước, là một phần thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.664,6m² (đo đạc thực tế 1.623,0m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02942 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S, đất tại: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

Đông giáp phần số 2.

Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S.

Nam giáp đường đá.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/4/2022)

+ Diện tích đất 357,3m² (phần số 2), loại đất trồng cây lâu năm là một phần thửa đất số 233, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.386,1m² (đo đạc thực tế 1.349,7m²), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02940 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp ngày 14/10/2008 cho ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S, đất tại: Ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vị trí:

Đông giáp đất ông Nguyễn Văn M và bà Trương Thị S.

Tây giáp phần số 1.

Nam giáp đường đá.

Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn T.

(Kèm theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 14/4/2022)

Ông M, anh T, chị N, chị T được quyền đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ông M, bà S, anh T, chị N và chị T thống nhất công trình kiến trúc và cây trồng trên phần đất của người nào được chia thì người đó được quyền sở hữu.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí:

Ông M, bà S, anh T, chị N, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông M chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Tám